

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N, TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 01 - 2022

V/v chị T xin ly hôn anh Th

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Vui

2. Ông Đàm Văn Kiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tuấn Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hồng Gấm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021. Về vụ án tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị T - Sinh năm 1991

Địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn R, huyện N, tỉnh N.

+ Bị đơn: Anh Đặng Văn Th - Sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ 18, phường Y, quận H, thành phố H.

Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 20/11/2021 cũng như lời khai của chị Đoàn Thị T trong quá trình giải quyết trình bày: Chị kết hôn với anh Đặng Văn Th vào tháng 12/2008, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Y, quận H, thành phố H. Sau khi kết hôn, chị và anh Th chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 4/2017 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong hôn nhân. Đã Nhiều lần hai bên gia đình khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Th không được cải

thiện. Từ tháng 6/2018 đến nay chị và anh Th sống ly thân nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Th không còn nên chị xin được ly hôn anh Đặng Văn Th. Về con chung giữa chị và anh Đặng Văn Th có hai con chung là Đặng Thị Yến Nh sinh ngày 22/9/2009 và Đặng Yến L sinh ngày 17/01/2017. Hiện cháu Nh đang do anh Th nuôi dưỡng còn cháu L đang do chị nuôi dưỡng. Nay chị xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu L còn để anh Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nh. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung giữa chị và anh Đặng Văn Th không có nên chị không yêu cầu giải quyết. Về án phí chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa anh Đặng Văn Th vắng mặt nhưng anh Th có lời khai trong quá trình giải quyết trình bày đúng như lời khai của chị Đoàn Thị T về quá trình kết hôn và sống chung giữa anh và chị T. Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị T phát sinh từ đầu năm 2018, nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra cãi chửi nhau. Từ tháng 6/2018 đến nay chị T về nhà bố mẹ đẻ ở và sống ly thân với anh. Nay chị T xin ly hôn anh thì anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn nên anh nhất trí ly hôn chị T và anh nhất trí giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng. Về con chung giữa anh và chị Đoàn Thị T có hai con chung là Đặng Thị Yến Nh sinh ngày 22/9/2009 và Đặng Yến L sinh ngày 17/01/2017. Hiện cháu Nh đang do anh nuôi dưỡng còn cháu L đang do chị T nuôi dưỡng. Nay anh xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nh còn để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung giữa anh và chị Đoàn Thị T không có nên anh không yêu cầu giải quyết. Do điều kiện dịch bệnh và công việc bận, anh không tham gia phiên tòa được nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện N xét xử vắng mặt anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 6; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: xử công thuận tình ly hôn giữa chị Đoàn Thị T và chị Đặng Văn Th; Về con chung: Giao cháu Đặng Thị Yến Nh sinh ngày 22/9/2009 cho anh Đặng Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Đặng Yến L sinh ngày 17/01/2017 cho chị Đoàn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về án phí dân sự sơ thẩm, đề nghị tuyên chị Đoàn Thị T phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đoàn Thị T cư trú tại thị trấn R, huyện N, anh Đặng Văn Th cư trú tại phường Y, quận H, thành phố H. Nay chị T xin ly hôn anh Th và anh Th nhất trí đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vụ án và Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa anh Đặng Văn Th vắng mặt nhưng anh Th đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án nhân dân huyện N tiến hành xét xử vắng mặt anh Th là phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Đoàn Thị T và anh Đặng Văn Th được tổ chức kết hôn vào tháng 12/2008, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Y, quận H, thành phố H, là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, chị T và anh Th chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên không hợp tính nhau. Từ tháng 6/2018 đến nay chị T và anh Th đã sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Th đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay chị T xin ly hôn anh Th và phía anh Th cũng nhất trí nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Đoàn Thị T và anh Đặng Văn Th có hai con chung là Đặng Thị Yến Nh sinh ngày 22/9/2009 và Đặng Yến L sinh ngày 17/01/2017, hiện cháu Nh đang do anh Th nuôi dưỡng còn cháu L đang do chị T nuôi dưỡng. Nay chị T đề nghị giải quyết chị xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu L còn cháu Nh để anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung và phía anh Th cũng nhất trí nên chấp nhận là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị Đoàn Thị T và anh Đặng Văn Th đều khai thống nhất xác định anh chị không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm, chị Đoàn Thị T phải nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đoàn Thị T và anh Đặng Văn Th.

2- Về con chung: Giao cháu Đặng Thị Yến Nh sinh ngày 22/9/2009 cho anh Đặng Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng (hiện cháu Đặng Thị Yến Nh đang do anh Đặng Văn Th chăm sóc, nuôi dưỡng). Giao cháu Đặng Yến L sinh ngày 17/01/2017 cho chị Đoàn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng (hiện cháu Đặng Yến L đang do chị Đoàn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng). Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3- Án phí dân sự sơ thẩm, chị Đoàn Thị T phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Đoàn Thị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000636 ngày 24/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Đoàn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị T, vắng mặt anh Th. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKSND H N;
- Chi cục THADS H N;
- UBND phường Y;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng